

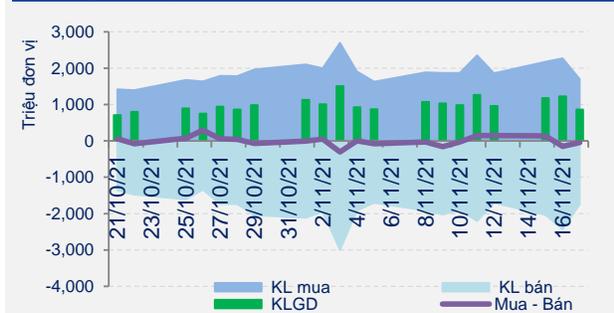
# MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 17/11/2021

Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,475.85	462.95
% Thay đổi	↑ 0.64%	↑ 2.37%
KLGD (CP)	860,799,789	148,710,149
GTGD (tỷ đồng)	26,067.38	4,017.08
Tổng cung (CP)	1,743,895,900	195,009,700
Tổng cầu (CP)	1,698,912,500	198,524,700

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	40,646,716	1,095,690
KL mua (CP)	36,697,500	697,353
GT mua (tỷ đồng)	1,579.67	16.44
GT bán (tỷ đồng)	1,793.17	25.43
GT ròng (tỷ đồng)	(213.50)	(8.99)

## Tương quan cung cầu HOSE



## Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↓ -0.02%	24.7	3.9	1.3%
Công nghiệp	↑ 0.82%	24.4	3.2	15.6%
Dầu khí	↑ 4.15%	20.5	2.1	2.7%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.70%	-	6.1	3.5%
Dược phẩm và Y tế	↑ 0.63%	18.0	2.6	0.7%
Hàng Tiêu dùng	↓ -0.03%	23.4	4.1	9.3%
Ngân hàng	↑ 0.30%	11.5	2.3	10.7%
Nguyên vật liệu	↑ 0.14%	12.1	2.8	19.3%
Tài chính	↑ 1.48%	20.1	3.5	34.8%
Tiền ịch Cộng đồng	↑ 0.65%	17.6	3.0	2.2%
VN - Index	↑ 0.64%	17.4	2.9	
HNX - Index	↑ 2.37%	25.2	5.1	

## ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường tăng điểm trở lại trong phiên hôm nay với thanh khoản ở mức dưới trung bình. Cụ thể, VN-Index tăng 9,4 điểm (+0,64%) lên 1.475,85 điểm. Độ rộng trên sàn HOSE là tích cực với 279 mã tăng, 52 mã tham chiếu, 207 mã giảm. HNX-Index tăng 10,7 điểm (+2,37%) lên 462,95 điểm. Độ rộng trên sàn HNX là tích cực với 167 mã tăng, 43 mã tham chiếu, 121 mã giảm. Thanh khoản khớp lệnh trên hai sàn suy giảm so với trước đó và thấp hơn mức trung bình 20 phiên với khối lượng khớp lệnh 970 triệu cổ phiếu tương ứng với giá trị khớp lệnh 28.239 tỷ đồng. Các cổ phiếu vốn hóa lớn trong nhóm VN30 (+0,16%) có sự quay trở lại trong phiên hôm nay để hỗ trợ cho thị trường, có thể kể đến như PLX (+5,6%), GVR (+1,7%), VIC (+1,6%), VRE (+1,3%), POW (+0,7%), GAS (+0,6%), VHM (+0,6%)... Bên cạnh đó, nhóm ngân hàng sau khi giao dịch khá ảm đạm vào phiên sáng đã bật tăng trở lại trong phiên chiều giúp củng cố sắc xanh của thị trường như TCB (+0,4%), MBB (+0,2%), SHB (+0,2%), ACB (+0,5%), BID (+1,9%), VCB (+0,8%), PGB (+14,9%)... Nhóm chứng khoán cũng có sự quay trở lại khá ấn tượng sau khi bị chốt lời trong phiên trước đó, phần lớn các cổ phiếu thuộc nhóm này đều tăng tốt như SSI (+2,5%), VND (+6,9%), SHS (+1,5%), VCI (+1,8%), HCM (+0,7%), ORS (+1,2%), APS (+9,8%), SBS (+2,7%)... Các cổ phiếu thép tiếp tục chịu áp lực bán khiến cho hàng loạt mã giảm như HPG (-1,2%), NKG (-2,7%), HSG (-1,4%), TLH (-1,4%), TVN (-2,6%), VGS (-1,6%)...

## NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Thị trường tăng điểm trở lại trong phiên hôm nay với mức tăng trên VN-Index (+0,64%) xấp xỉ so với mức giảm (-0,69%) của phiên trước đó. Tuy nhiên, thanh khoản lại có sự suy giảm và hiện ở mức dưới trung bình 20 phiên cho thấy dòng tiền đang có sự thận trọng nhất định ở vùng giá hiện tại. Tuy nhiên, trên góc nhìn kỹ thuật, VN-Index tiếp tục kết phiên trên ngưỡng hỗ trợ tâm lý 1.450 điểm nên khả năng tiếp tục đi lên để hướng đến ngưỡng kháng cự tâm lý 1.500 điểm là vẫn có thể xảy ra. Tuy nhiên, trong kịch bản tiêu cực, nếu áp lực bán gia tăng thì thị trường có thể cần test lại ngưỡng hỗ trợ tâm lý 1.450 điểm. Cần lưu ý là phiên giao dịch tiếp theo 18/11 cũng là ngày đáo hạn của hợp đồng tương lai VN30F2111 nên biến động mạnh là có thể xảy ra, nhất là khoảng thời gian cuối phiên. Nhà đầu tư đã mua vào khi thị trường vượt vùng đỉnh cũ 1.420-1.425 điểm và đã mua thêm trong phiên 11/11 khi thị trường test hỗ trợ 1.450 điểm có thể tiếp tục mua thêm nếu có những nhịp test lại hỗ trợ kể trên.

# MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 17/11/2021

## DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

### VN-Index:

VN-Index giảm nhẹ vào đầu phiên giao dịch, với mức thấp nhất trong phiên tại 1.464,78 điểm. Nhưng từ khoảng 9h30 trở đi, lực cầu gia tăng giúp chỉ số quay trở lại sắc xanh, với mức cao nhất trong phiên tại 1.477,04 điểm. Kết phiên, VN-Index tăng 9,4 điểm (+0,64%) lên 1.475,85 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: VIC tăng 1.500 đồng, PLX tăng 3.300 đồng, BID tăng 800 đồng. Ở chiều ngược lại, HPG giảm 600 đồng.

### HNX-Index:

HNX-Index giảm nhẹ vào đầu phiên giao dịch, với mức thấp nhất trong phiên tại 451,53 điểm. Nhưng ngay sau đó, lực cầu gia tăng giúp chỉ số lấy lại sắc xanh và đà tăng mạnh lên sau đó, với mức cao nhất trong phiên tại 462,98 điểm. Kết phiên, HNX-Index tăng 10,7 điểm (+2,37%) lên 462,95 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: THD tăng 12.500 đồng, KSF tăng 6.800 đồng, SCG tăng 6.400 đồng. Ở chiều ngược lại, L14 giảm 17.000 đồng.

## GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI

**Trên HOSE**, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 212,76 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 3,3 triệu đơn vị. VPB là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 111,8 tỷ đồng tương ứng với 3,1 triệu cổ phiếu, tiếp theo là HPG với 107,4 tỷ đồng tương ứng với 2,1 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, VHM là mã được mua ròng nhiều nhất với 147,8 tỷ đồng tương ứng với 1,8 triệu cổ phiếu.

**Trên HNX**, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 8,91 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 398 nghìn cổ phiếu. CEO là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 8,2 tỷ đồng tương ứng với 318 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là PVS với 3,8 tỷ đồng tương ứng với 130 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, BCC là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 5,1 tỷ đồng tương ứng với 182 nghìn cổ phiếu.

## TIN KINH TẾ VĨ MÔ

**Kim ngạch thương mại Việt - Mỹ năm nay có thể cán mốc 100 tỷ USD, tăng 200 lần so với năm 1995**

Việt Nam trở thành đối tác thương mại lớn thứ 10 của Mỹ, trong khi nước này cũng là đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam.

## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

### VN-Index:



VN-Index tăng điểm trở lại trong phiên hôm nay với khối lượng khớp lệnh suy giảm so với phiên trước đó và thấp hơn mức trung bình 20 phiên cho thấy lực cầu mua lên là không thực sự mạnh và một bộ phận nhà đầu tư đang có sự thận trọng nhất định.

Chỉ số VN-Index đã chính thức đóng cửa trên vùng đỉnh cũ trong tháng 7/2021 đồng thời cũng là đỉnh sóng tăng 5 trong khoảng 1.420-1.425 điểm theo lý thuyết Elliot trên biểu đồ ngày bắt đầu từ thời điểm tạo đáy quanh 650 điểm vào cuối tháng 3 đầu tháng 4 năm 2020.

Do đó chúng ta sẽ chuyển sang phân tích sóng Elliot trên biểu đồ tuần với sóng 1 bắt đầu vào đầu năm 2009 ở quanh ngưỡng 240 điểm.

Với góc nhìn xa hơn trên biểu đồ tuần thì có thể thấy là VN-Index đang nằm trong sóng tăng 5 với target theo lý thuyết là quanh ngưỡng 1.540 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4 trước đó).

Với phiên hồi phục hôm nay với thanh khoản thấp hơn mức trung bình thì có thể thấy là dòng tiền đang có sự do dự nhất định ở vùng giá hiện tại. Tuy nhiên, với việc chỉ số VN-Index tiếp tục kết phiên trên ngưỡng hỗ trợ tâm lý 1.450 điểm nên xu hướng tăng vẫn chưa có sự thay đổi và khả năng để thị trường tiếp tục hướng đến những ngưỡng cao hơn trong thời gian tới là vẫn còn.

Tuy nhiên, trong kịch bản tiêu cực, nếu áp lực bán tiếp tục gia tăng thì VN-Index có thể sẽ lùi về ngưỡng hỗ trợ tâm lý 1.450 điểm để tìm kiếm lực cầu bắt đáy.

Cần lưu ý thêm là phiên tiếp theo 18/11 là ngày đáo hạn của hợp đồng VN30F2111 nên có thể xuất hiện biến động mạnh về cuối phiên.

Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 18/11, VN-Index có thể sẽ biến động mạnh về cuối phiên.



## TIN TRONG NƯỚC

**Giá vàng trong nước đi ngang**

Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 60,95 - 61,7 triệu đồng/lượng, tăng 200.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và giảm 200.000 đồng/lượng ở chiều bán ra so với sáng nay.

**Tỷ giá trung tâm tăng 7 đồng**

Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 17/11 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.114 VND/USD, tăng 7 đồng so với hôm qua.

## TIN QUỐC TẾ

**Giá vàng thế giới tăng**

Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới tăng 8,25 USD/ounce tương ứng với 0,44% lên 1.862,35 USD/ounce.

**Tỷ giá ngoại tệ: USD tăng**

Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) tăng 0,001 điểm tương ứng 0,001% lên 95,912 điểm. USD tăng so với EUR lên: 1 EUR đổi 1,1315 USD. USD giảm so với GBP xuống: 1 GBP đổi 1,3447 USD. USD tăng so với JPY lên: 1 USD đổi 114,86 JPY.

**Giá dầu thế giới giảm**

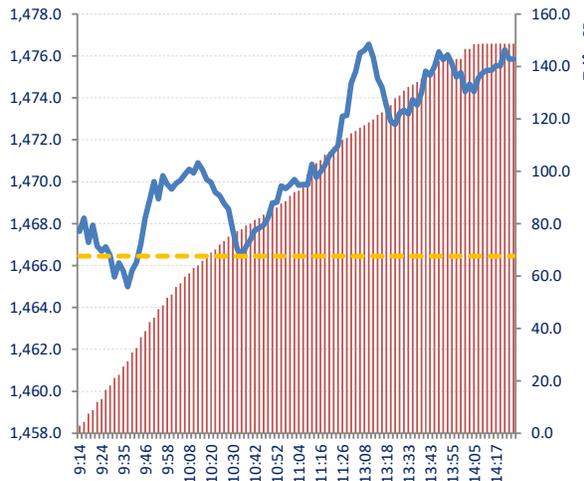
Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI giảm 0,28 USD/thùng tương ứng với 0,35% xuống 79,46 USD/thùng.

**Chứng khoán Mỹ tăng điểm**

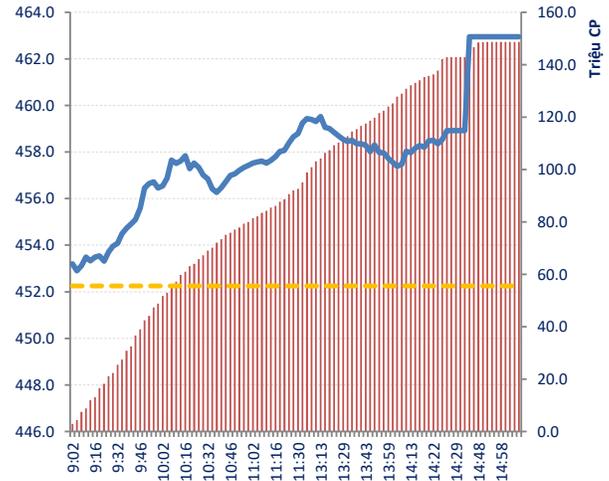
Kết thúc phiên giao dịch ngày 16/11, Dow Jones tăng 54,77 điểm tương đương 0,15% lên 36.142,22 điểm. Nasdaq tăng 120,01 điểm tương đương 0,76% lên 15.973,86 điểm. Nasdaq Composite tăng 18,1 điểm tương đương 0,39% lên 4.700,9 điểm.

THÔNG KÊ GIAO DỊCH

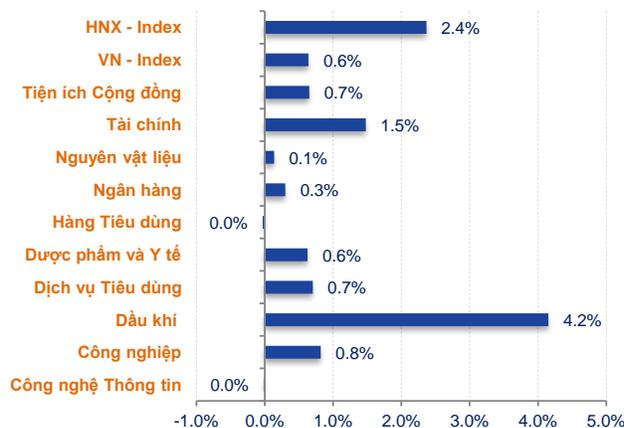
KLGD và VN-Index trong phiên



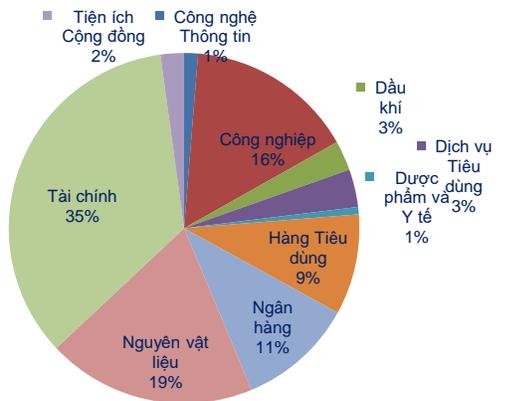
KLGD và HNX-Index trong phiên



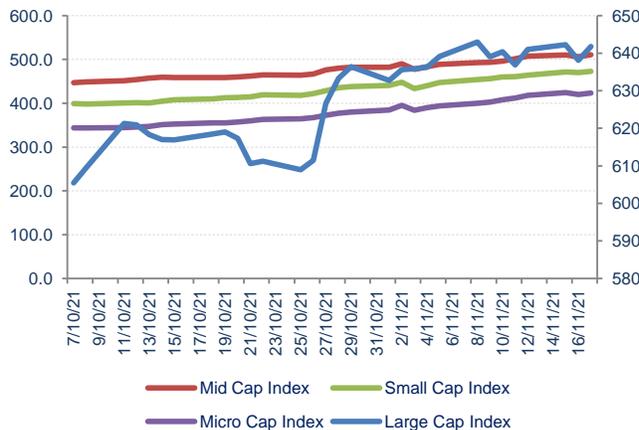
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



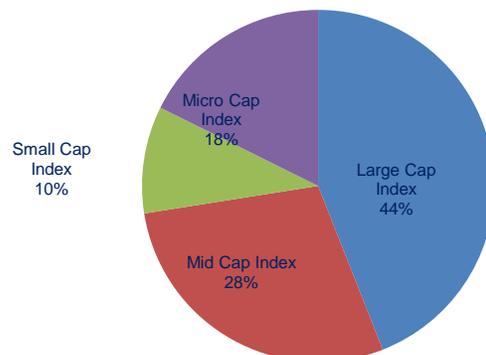
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ      Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ  
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ      Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



## HOSE

## HNX

## Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	FUEVFNVD	4,918,500	VPB	3,099,100
2	VHM	1,770,000	HPG	2,068,508
3	VRE	919,900	HDB	1,773,700
4	POW	507,100	SJD	1,323,900
5	HQC	501,700	VND	1,252,500

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	BCC	182,300	CEO	318,200
2	KLF	71,400	PVS	130,100
3	PCG	37,000	PVG	51,100
4	IDJ	30,000	VHL	50,400
5	NDN	29,700	MST	50,000

## Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
HPG	52.00	51.40	↓ -1.15%	31,900,008
HAG	8.28	8.20	↓ -0.97%	30,650,000
HQC	6.00	6.41	↑ 6.83%	29,522,800
ITA	10.70	11.40	↑ 6.54%	21,956,800
FLC	14.45	14.60	↑ 1.04%	20,553,700

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
KLF	6.10	6.60	↑ 8.20%	9,081,523
ART	12.50	13.70	↑ 9.60%	8,449,511
PVS	29.00	29.20	↑ 0.69%	8,325,551
SHS	47.90	48.60	↑ 1.46%	7,966,607
CEO	23.90	26.20	↑ 9.62%	7,294,799

## Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
STK	60.00	64.20	4.20	↑ 7.00%
PHR	70.00	74.90	4.90	↑ 7.00%
PTL	9.44	10.10	0.66	↑ 6.99%
EVG	16.45	17.60	1.15	↑ 6.99%
DPR	81.50	87.20	5.70	↑ 6.99%

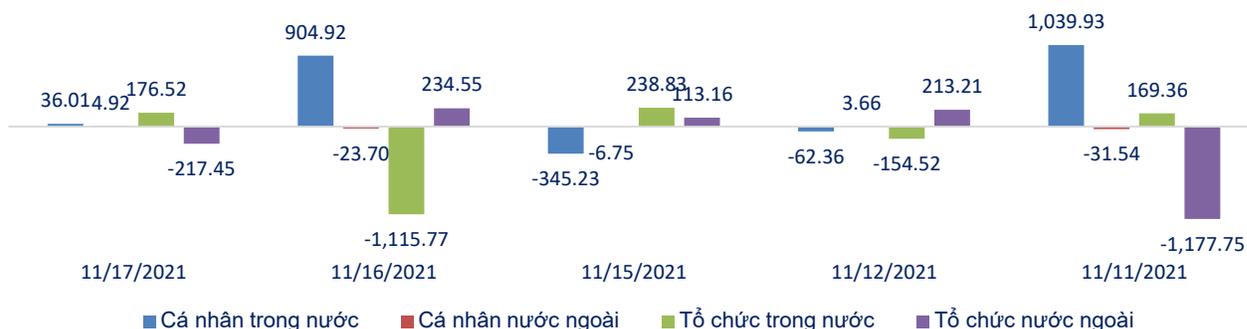
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
X20	14.00	15.40	1.40	↑ 10.00%
QTC	19.00	20.90	1.90	↑ 10.00%
PVL	15.00	16.50	1.50	↑ 10.00%
DST	7.00	7.70	0.70	↑ 10.00%
VC2	48.10	52.90	4.80	↑ 9.98%

## Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
ABT	36.60	34.05	-2.55	↓ -6.97%
EMC	24.00	22.35	-1.65	↓ -6.88%
VRC	22.70	21.30	-1.40	↓ -6.17%
UDC	11.20	10.60	-0.60	↓ -5.36%
VNS	12.55	11.90	-0.65	↓ -5.18%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SDG	36.00	32.40	-3.60	↓ -10.00%
DNC	63.00	56.70	-6.30	↓ -10.00%
VE2	15.10	13.60	-1.50	↓ -9.93%
VNT	78.30	70.70	-7.60	↓ -9.71%
PDB	33.00	29.80	-3.20	↓ -9.70%

(\*) Giá điều chỉnh

**Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)**

**Top Mua ròng Cá nhân trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	224.31	44.7%	7,085	7.3	2.8
DGC	219.60	29.1%	7,717	20.3	5.2
VND	125.64	34.3%	4,976	14.0	3.2
VPB	63.36	21.2%	2,772	13.0	2.6
HDB	48.30	20.7%	2,813	9.9	1.9

**Top Bán ròng Cá nhân trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	-183.47	38.3%	8,968	9.3	3.0
TCB	-115.36	21.3%	4,965	10.5	2.1
ACB	-89.52	24.9%	3,599	9.2	2.1
SSB	-76.20	16.9%	1,869	19.7	3.1
GAB	-68.25	1.1%	130	1,506.9	16.6

**Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	17.31	44.7%	7,085	7.3	2.8
HDC	4.22	26.2%	3,957	26.4	6.5
HSG	1.94	48.0%	8,817	4.9	2.0
SSI	1.52	16.5%	2,064	21.7	2.6
FTS	1.44	22.7%	3,583	19.5	4.0

**Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VND	-6.16	34.3%	4,976	14.0	3.2
ITA	-4.13	1.5%	174	61.7	0.9
TVS	-2.90	36.5%	4,858	9.5	2.9
HBC	-2.67	2.2%	370	67.9	1.4
VIC	-2.22	2.9%	1,111	85.4	2.2

**Top Mua ròng Tổ chức trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
TCB	115.36	21.3%	4,965	10.5	2.1
ACB	89.54	24.9%	3,599	9.2	2.1
SSB	76.20	16.9%	1,869	19.7	3.1
GAB	68.27	1.1%	130	1,506.9	16.6
MWG	61.30	24.6%	6,071	22.7	5.2

**Top Bán ròng Tổ chức trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DGC	-221.73	29.1%	7,717	20.3	5.2
FUEVFVND	-127.82	N/A	N/A	N/A	N/A
HPG	-116.71	44.7%	7,085	7.3	2.8
VCG	-37.07	6.8%	1,224	39.2	2.8
PAN	-36.84	3.4%	1,009	36.7	1.2

**Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	147.30	38.3%	8,968	9.3	3.0
FUEVFVND	138.60	N/A	N/A	N/A	N/A
VCB	34.34	20.4%	5,696	17.1	3.3
VRE	28.21	7.2%	954	31.5	2.2
DGW	24.61	31.6%	4,739	26.5	7.6

**Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-124.91	44.7%	7,085	7.3	2.8
VPB	-111.89	21.2%	2,772	13.0	2.6
VND	-86.87	34.3%	4,976	14.0	3.2
SSI	-52.91	16.5%	2,064	21.7	2.6
NLG	-52.21	13.6%	4,688	13.6	1.7



## Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	31,900,008	44.7%	7,085	7.3	2.8
HAG	30,650,000	3250.0%	(1,220)	-	1.5
HQC	29,522,800	0.1%	9	678.8	0.7
ITA	21,956,800	1.5%	174	61.7	0.9
FLC	20,553,700	13.1%	1,967	7.3	1.0

## Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
KLF	9,081,523	0.1%	6	1,003.8	0.6
ART	8,449,511	0.3%	32	395.4	1.1
PVS	8,325,551	4.6%	1,238	23.4	1.1
SHS	7,966,607	25.5%	3,263	14.7	2.3
CEO	7,294,799	-4.7%	(606)	-	1.9

## Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
STK	↑ 7.0%	23.9%	3,985	15.1	3.6
PHR	↑ 7.0%	21.0%	5,034	13.9	2.9
PTL	↑ 7.0%	2.5%	184	51.3	1.3
EVG	↑ 7.0%	1.2%	166	99.0	1.1
DPR	↑ 7.0%	8.2%	4,877	16.7	1.4

## Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
X20	↑ 10.0%	7.0%	1,012	13.8	1.0
QTC	↑ 10.0%	10.6%	1,725	11.0	1.2
PVL	↑ 10.0%	9.9%	475	31.6	2.9
DST	↑ 10.0%	2.1%	211	33.1	0.7
VC2	↑ 10.0%	12.0%	2,494	19.3	2.3

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
UEVFN	4,918,500	N/A	N/A	N/A	N/A
VHM	1,770,000	38.3%	8,968	9.3	3.0
VRE	919,900	7.2%	954	31.5	2.2
POW	507,100	8.6%	1,167	12.0	1.0
HQC	501,700	0.1%	9	678.8	0.7

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
BCC	182,300	7.5%	1,297	21.7	1.6
KLF	71,400	0.1%	6	1,003.8	0.6
PCG	37,000	3.1%	273	46.9	1.4
IDJ	30,000	21.7%	2,623	28.3	6.2
NDN	29,700	28.9%	3,986	6.2	1.7

## Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	361,413	38.3%	8,968	9.3	3.0
VIC	360,734	2.9%	1,111	85.4	2.2
VCB	360,503	20.4%	5,696	17.1	3.3
HPG	232,592	44.7%	7,085	7.3	2.8
GAS	223,358	16.9%	4,384	26.6	4.4

## Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	87,395	25.2%	4,694	53.2	15.1
IDC	24,750	11.8%	1,805	45.7	5.3
KSF	21,660	8.8%	771	93.6	3.6
VCS	19,680	41.5%	11,163	11.0	4.2
BAB	17,021	8.6%	979	23.1	1.9

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
DRH	2.85	2.1%	292	87.3	1.8
FTS	2.69	22.7%	3,583	19.5	4.0
DIG	2.49	13.1%	1,533	43.7	5.1
SJF	2.49	0.5%	51	294.4	1.4
BSI	2.46	17.7%	2,241	20.9	3.5

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
APS	2.92	22.8%	1,802	27.6	4.4
PVL	2.86	9.9%	475	31.6	2.9
PSI	2.51	2.9%	300	70.3	2.0
L14	2.37	13.6%	1,987	140.9	17.0
BTS	2.36	-0.4%	(42)	-	1.2



Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Chịu trách nhiệm nội dung:

**P.Trưởng phòng: Ngô Thế Hiền**  
[hien.nth@shs.com.vn](mailto:hien.nth@shs.com.vn)

**Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật**  
[nhat.pt@shs.com.vn](mailto:nhat.pt@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành**  
[thanh.nk@shs.com.vn](mailto:thanh.nk@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng**  
[thang.nd@shs.com.vn](mailto:thang.nd@shs.com.vn)

*Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.*

*Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.*

*SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.*

*Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation*

---

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

**Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

**Trụ sở chính tại Hà Nội**

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,  
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: 84.24.38181888  
Fax: 84.24.38181688  
Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)

**Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,  
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,  
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM  
Tel: 84.28.39151368  
Fax: 84.28.39151369  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

**Chi nhánh Đà Nẵng**

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,  
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh  
Trung, Quận Thanh Khê, Thành  
phố Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3525777  
Fax: 84.236.3525779  
Email: [contact-dn@shs.com.vn](mailto:contact-dn@shs.com.vn)

---